



PHIẾU AN TOÀN DỮ LIỆU
Impact 12.5 SC

SDS # : FO004120-A
Ngày sửa đổi: 2018-06-28
Format: AP
Phiên bản 1

Mục 1: LAI LỊCH SẢN PHẨM VÀ CÔNG TY

Tên Sản Phẩm Impact 12.5 SC
(Các) Mã Sản Phẩm FO004120-A
Mục Đích Sử Dụng Được Đề Nghị Thuốc diệt nấm.
Hạn chế sử dụng Sử dụng theo khuyến cáo của nhãn.

Nhà sản xuất

FMC Corporation
Agricultural Solutions
2929 Walnut Street
Philadelphia, PA 19104
General Information:
Phone: (215) 299-6000
E-Mail: msdsinfo@fmc.com

Đơn Vị Nhập Khẩu

FMC VIETNAM COMPANY LIMITED
No. 12 lot B, Thong Nhat Road
Song Than 2 Industrial Zone
Di An Ward, Di An Town
Binh Duong Province
Vietnam
Phone: (+84) 0274 3790503
Fax: (+84) 0274 3790501

Số điện thoại khẩn cấp

Medical Emergencies:
1 800 / 331-3148 (ProPharma Group - U.S.A. & Canada)
1 651 / 632-6793 (ProPharma Group - All Other Countries - Collect)

For leak, fire, spill or accident emergencies, call:
1 800 / 424-9300 (CHEMTREC - U.S.A.)
1 703 / 741-5970 (CHEMTREC - International)
1 703 / 527-3887 (CHEMTREC - Alternate)

Mục 2: NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

GHS - Phân loại

Gây mẫn cảm da	Cấp 1B
Độc tính cấp tính đối với môi trường nước	Cấp 2
Độc tính lâu dài cho môi trường nước	Cấp 1

Các Thành Phần Của Nhãn



Từ Cảnh Báo

CẢNH BÁO

Cảnh Báo Nguy Cơ

H317 - Có thể gây phản ứng dị ứng da
 H410 - Rất độc đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài

Tiêu Ngũ Đề Phòng - Phòng Ngừa

P261 - Tránh hít bụi/khói/khí/sương/hơi/bụi xịt
 P272 - Quần áo làm việc bị nhiễm không được mang ra khỏi nơi làm việc
 P280 - Đeo kính mắt/kính che mặt bảo hộ
 P273 - Tránh phóng thích ra môi trường

Tiêu Ngũ Đề Phòng - Ứng Phó

P302 + P352 - NẾU BỊ DÍNH VÀO DA: Rửa bằng nhiều xà phòng và nước
 P333 + P313 - Nếu bị kích ứng da hoặc nổi mụn: Tìm y tế hướng dẫn/chăm sóc
 P362 + P364 - Cởi bỏ tất cả các quần áo đã bị nhiễm và đem giặt trước khi sử dụng lại
 P391 - Thu gom lượng tràn đổ

Tiêu Ngũ Đề Phòng - Thải Bỏ

P501-Vứt bỏ nội dung / thùng chứa theo hướng dẫn trên nhãn

Thông tin khác

Chưa được biết

Mục 3: THÀNH PHẦN CẤU TẠO/THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN

Tên hóa chất	Số CAS	Phần trăm trọng lượng
Flutriafol	76674-21-0	11.80
Alcohols, C13-15 Branched and Linear, Ethoxylated	157627-86-6	5-10

Mục 4: CÁC BIỆN PHÁP SƠ CỨU

Hít phải	Di chuyển ra nơi có không khí trong lành. Nếu khó thở hoặc nếu khó chịu xảy ra và vẫn tồn tại, hãy nhận được sự chăm sóc y tế.
Tiếp Xúc Với Da	Rửa ngay lập tức bằng xà phòng và nhiều nước đồng thời cởi bỏ tất cả các quần áo và giày dép bị nhiễm. Trong trường hợp bị kích ứng da hoặc bị dị ứng, hãy đưa đến bác sĩ.
Tiếp Xúc Với Mắt	Giữ đôi mắt mở và rửa sạch từ từ và nhẹ nhàng với nước trong 15 đến 20 phút. Tháo kính áp tròng, nếu có, sau 5 phút đầu tiên, sau đó tiếp tục rửa mắt. Gọi trung tâm kiểm soát chất độc hay bác sĩ để xin hướng dẫn điều trị.
Ăn phải	Gọi cho trung tâm kiểm soát chất độc hoặc bác sĩ ngay để được tư vấn điều trị. Có người uống một ly nước nếu có thể nuốt. Không được gây nôn trừ khi được một trung tâm kiểm soát chất độc hoặc bác sĩ yêu cầu làm như vậy. Không gây nôn hoặc cho bất cứ điều gì bằng miệng cho người bất tỉnh.
Các triệu chứng và tác dụng quan trọng nhất, cả cấp tính và chậm xuất hiện	Các triệu chứng giống hen và/hoặc giống dị ứng da.
Bảo vệ người sơ cứu	Sử dụng các thiết bị bảo hộ cá nhân. Xem Mục 8 để biết thêm chi tiết.
Dấu hiệu cần chăm sóc y tế ngay lập tức và điều trị đặc biệt, nếu cần	Điều trị triệu chứng.

Mục 5: CÁC BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

Chất Chữa Cháy Phù Hợp	Hóa chất khô, Carbon dioxide (CO ₂), Bọt chịu cồn, Nước xịt. Tránh các luồng ống nặng.
Chất chữa cháy không phù hợp	Không có thông tin.
Hiểm Họa Đặc Biệt Phát Sinh từ Hóa Chất	Phân hủy nhiệt có thể dẫn đến phóng thích ra các khí và hơi kích ứng.

Trang bị bảo hộ và biện pháp đề phòng cho nhân viên chữa cháy

Cô lập khu vực cháy. Đánh giá upwind. Như trong bất kỳ đám cháy, thiết bị thở khép kín và thiết bị bảo vệ đầy đủ. Cô lập khu vực cháy.

Mục 6: CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ RÒ RỈ BẤT NGỜ

Các Biện Pháp Đề Phòng Cá Nhân	Cô lập và sau khi tràn khu vực. Sử dụng găng tay/trang phục và kính mắt/kính che mặt bảo hộ. Đề bảo vệ cá nhân, xem phần 8.
Khác	Để biết thêm hướng dẫn dọn dẹp, hãy gọi Đường dây nóng khẩn cấp FMC được liệt kê trong Phần 1 "Xác định sản phẩm và công ty" ở trên.
Các Biện Pháp Đề Phòng Cho Môi Trường	Tránh xa các kênh rạch. Giữ người và động vật cách xa và hướng gió ngược lên / rò rỉ. Giữ nguyên vật liệu ra khỏi hồ, suối, ao, và cống rãnh thoát nước.
Các Phương Pháp Ngăn Chặn	Sử dụng một hợp chất quét ướt hoặc nước để ngăn ngừa sự hình thành bụi.
Các phương pháp làm sạch	Quét gom rồi xúc vào thùng đựng thích hợp để thải bỏ. Làm sạch và trung hòa khu vực tràn, dụng cụ và thiết bị để tiếp xúc tối thiểu một giờ với dung dịch rượu dấm, sau đó bằng xà phòng và nước tẩy. Vứt bỏ chất thải như được chỉ ra trong Phần 13.

Mục 7: THAO TÁC VÀ BẢO QUẢN

Thao tác	Không làm ô nhiễm các loại thuốc trừ sâu, phân bón, nước, thực phẩm hoặc thức ăn khác bằng cách cất giữ hoặc thải bỏ.
Cất giữ	Giữ dụng cụ đựng thật kín ở nơi khô và thông khí tốt. Tránh xa ngọn lửa trần, các bề mặt nóng và nguồn lửa. Để xa tầm với của trẻ em và động vật. Chỉ giữ/bảo quản trong dụng cụ đựng ban đầu.
Vật liệu cần tránh	Các chất oxy hóa mạnh, Các acid mạnh, Các kiềm mạnh.

Mục 8: KIỂM SOÁT TIẾP XÚC/BẢO VỆ CÁ NHÂN

Các Giới Hạn Tiếp Xúc

Các biện pháp kỹ thuật	Áp dụng các biện pháp kỹ thuật để đạt được các giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp. Khi làm việc trong các không gian kín (xe tăng, thùng chứa, vv), đảm bảo rằng có một nguồn cung cấp không khí thích hợp để thở và đeo thiết bị được đề nghị.
-------------------------------	--

Trang bị bảo hộ cá nhân

Bảo Vệ Đường Hô Hấp	Sản phẩm không tự động gây phiền toái khi tiếp xúc với không khí khi vận chuyển bình thường. Trong trường hợp xả vô tình vật liệu tạo ra hơi nặng hoặc sương mù, người lao động nên đặt thiết bị bảo vệ hô hấp chính thức được chấp thuận với một loại bộ lọc phổ quát bao gồm cả bộ lọc hạt.
Bảo Vệ Tay	Mang găng tay bảo hộ hóa học được làm bằng các vật liệu như nitrile hoặc cao su tổng hợp.
Biện Pháp Bảo Vệ Mắt/Mặt	Đối với bụi, giặt gụ, sương mù hoặc phun phơi, hãy mang kính bảo hộ hóa chất.
Phương Tiện Bảo Vệ Da và Cơ Thể	Giảm thiểu ô nhiễm da bằng cách làm theo các biện pháp vệ sinh công nghiệp tốt. Sử dụng trang phục bảo hộ thích hợp. Giày hoặc ủng bảo hộ.
Các biện pháp vệ sinh	Thao tác theo tiêu chuẩn thực hiện tốt vệ sinh và an toàn.

Mục 9: CÁC TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC

Trạng Thái Vật Lý	Chất lỏng Dung dịch keo
Ngoại quan	Off-trắng / nâu

Mùi	Mùi đặc trưng giữa cá và dạng keo
Màu	Không có thông tin
Ngưỡng phát hiện mùi	Không có thông tin
pH	4.5 - 5 (1% pha loãng trong nước)
Điểm chảy/điểm đông	< 0 °C
Điểm sôi / Phạm vi	> 100 °C
Điểm chớp cháy	> 100 °C
Tốc Độ Bay Hơi	Không có thông tin
Khả năng cháy (rắn, khí)	Không áp dụng
Giới Hạn Cháy trong Không Khí	
Giới hạn nồng độ cháy trên:	Không có thông tin
Giới hạn cháy dưới:	Không có thông tin
Áp suất hơi	Flutriafol: 7.1×10^{-9} Pa at 20°C
Tỷ trọng hơi	Không có thông tin
Khối lượng riêng	Không có thông tin
Độ tan trong nước	Phân tán trong nước: 130 mg/l at 20°C
(Các) độ hòa tan	
Solubility of flutriafol at 21°C in:	
acetone	114 - 133 g/l
n-heptane	<10 g/l
Hệ số phân tách	Flutriafol: log Kow (logarit của hệ số phân tách octanol - nước) = 2.29
Nhiệt độ tự bốc cháy	Approx. 450 °C
Nhiệt độ phân hủy	Không có thông tin
Tính nhớt, động lực học	Không có thông tin
Tính nhớt, tính động	Không có thông tin
Tính chất oxy hóa	Không ôxi hóa
Tỷ trọng	1.03 - 1.05 g/ml at 20°C
Khối Lượng Riêng Thể Xốp	Không có thông tin

Mục 10: ĐỘ BỀN VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

Khả năng hoạt động của hóa chất	Không có trong điều kiện sử dụng bình thường
Độ bền	Bền với điều kiện sử dụng theo hướng dẫn
Phản ứng nguy hại	Chưa được biết.
Polyme hóa gây nguy hiểm	Phản ứng polyme hóa nguy hiểm không xảy ra.
Các điều kiện cần Tránh	Nhiệt, ngọn lửa và tia lửa.
Sản phẩm không tương thích	Các chất oxy hóa mạnh, Các acid mạnh, Các kiềm mạnh.
Các Sản Phẩm Phân Hủy Nguy Hại	Phân hủy nhiệt có thể dẫn đến phóng thích khí và hơi độc/ăn mòn.

Mục 11: THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Độc tính cấp tính

Thông Tin Về Sản Phẩm	Không có thông tin về độc tính cấp tính cho sản phẩm này.
-----------------------	---

Các số đo độc tính - Thông Tin Về Sản Phẩm

LD50 đường miệng	> 3000 mg/kg (chuột) (Method: OECD 423) (Dựa trên một sản phẩm tương tự)
LD50 đường da	> 4000 mg/kg (chuột) OECD 402 (Dựa trên một sản phẩm tương tự)
LC50 (Nồng độ bán tử) qua hô hấp	> 2.10 mg/l 4 hr (chuột) (Method: OECD 403) (Dựa trên một sản phẩm tương tự)
Ăn mòn/kích ứng da	Không gây kích ứng (thỏ), (Method: OECD 404). (Dựa trên một sản phẩm tương tự).
Tổn thương/kích ứng mắt nghiêm trọng	Kích thích nhẹ (thỏ). (Method: OECD 405).

Nhạy (Dựa trên một sản phẩm tương tự).
 Yếu mẫn cảm.
 (Method: OECD 406).

Các tác dụng chậm xuất hiện và xuất hiện tức thời cũng như tác dụng trường diễn do tiếp xúc ngắn hạn và lâu dài

Khả năng gây đột biến
Khả năng gây ung thư
Độc tính sinh sản
STOT - tiếp xúc một lần
STOT - tiếp xúc nhiều lần
Nguy cơ sắc phải

Sản phẩm không chứa thành phần nào được biết là gây đột biến.
 Sản phẩm được chế tạo từ các thành phần không gây ung thư.
 Sản phẩm này không chứa bất kỳ nguy cơ nào đã biết hoặc nghi ngờ cho chức năng sinh sản.
 Không có tác dụng cụ thể sau khi tiếp xúc duy nhất đã được quan sát thấy.
 Sau đây là tìm thấy cho flutriafol thành phần hoạt chất:
 Cơ quan đích: gan
 Tiếp xúc nhiều lần với flutriafol có thể gây tổn thương gan, LOEL cho hiệu ứng này đã được tìm thấy là khoảng 150 mg flutriafol / kg bw / ngày trong một nghiên cứu cho ăn 90 ngày ở chuột.
 Sản phẩm không có nguy cơ bị viêm phổi.

Mục 12: THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc tính sinh thái

Rất độc cho các thủy sinh vật với các tác dụng lâu dài.

Birds:	Chim cút Nhật Bản: 14-day LD50: >2000 mg/kg bw (dựa trên công thức tương tự)	Daphnia:	Daphnia magna: 21-day NOEC: 0.1 mg/l 48-h EC50: 7.5 mg/l (based on a similar formulation)
Bees:	Apis mellifera: 48-h LD50, oral: > 100 µg/bee (dựa trên công thức tương tự)	Fish:	Rainbow trout: 96-h LC50: 7.9 mg/l (dựa trên công thức tương tự)
Algae:	Pseudokirchneriella subcapitata: 72-h EC50: 4.3 mg/l (dựa trên công thức tương tự)		

Độ bền vững và độ phân hủy
Tích lũy sinh học
Khả năng di chuyển
Các Tác Dụng Có Hại Khác

Flutriafol: Không dễ dàng bị phân hủy sinh học.
 Sản phẩm chứa một lượng nhỏ các thành phần không dễ phân hủy sinh học, có thể không phân hủy được trong các nhà máy xử lý nước thải.
 Xem phần 9 để biết hệ số phân vùng n-octanol / nước.
 Flutriafol: Điện thoại di động vừa phải. Hấp thụ phụ thuộc vào pH đất và hàm lượng chất hữu cơ.
 Không có thông tin.

Mục 13: XEM XÉT VỀ VIỆC THẢI BỎ

Các phương pháp tiêu hủy chất thải
Bao Bì Đã Bị Nhiễm

Xử lý thuốc trừ sâu dư thừa, xịt hỗn hợp, hoặc rửa lại là bị cấm. Nếu những chất thải này không thể xử lý bằng cách sử dụng theo hướng dẫn nhãn, liên hệ cơ quan xử lý thích hợp để được hướng dẫn. Phải mang thiết bị bảo vệ cá nhân phù hợp, như được mô tả trong Phần 7 và 8, trong khi xử lý vật liệu để xử lý chất thải.
 Thải bỏ theo quy định của địa phương.

Mục 14: THÔNG TIN VỀ VẬN CHUYỂN

IMDG/IMO

Số UN/Mã Định Danh (ID) 3082
Tên Vận Chuyển Đường Biển Chất nguy hại tới môi trường, lỏng, n.o.s (Flutriafol)
Nhóm hiểm họa 9
Nhóm Đóng Gói III
EmS No. F-A, S-F
Chất Ô Nhiễm Biển Có

ICAO/IATA

Số UN/Mã Định Danh (ID) 3082
Tên Vận Chuyển Đường Biển Chất nguy hại tới môi trường, lỏng, n.o.s (Flutriafol)
Nhóm hiểm họa 9
Nhóm Đóng Gói III
Chất Ô Nhiễm Biển Có

Mục 15. THÔNG TIN VỀ QUY ĐỊNH

Các Danh Mục Quốc Tế

Thực phẩm, phụ gia thực phẩm, ma túy, mỹ phẩm hoặc thiết bị khi sản xuất, chế biến hoặc phân phối trong thực phẩm để sử dụng, phụ gia thực phẩm, thuốc, mỹ phẩm hoặc thiết bị có thể không phải tuân thủ các yêu cầu thông báo của địa phương. Kiểm tra các quy định địa phương để biết thêm thông tin.

Tên hóa chất	Đạo Luật Kiểm Soát Chất Độc - TSCA (Hoa Kỳ)	Danh Mục Hóa Chất Nội Địa - DSL (Canada)	EINECS/ELINCS (Europe)	Danh Mục Hóa Chất Hiện Hành và Hóa Chất Mới - ENCS (Nhật)	Trung Quốc (IECSC)	KECL (Korea)	Danh Mục Hóa Chất và Các Chất Hóa Học của Philipin - PICCS (Philippin)	Danh Mục Hóa Chất - AICS (Úc)
Alcohols, C13-15 Branched and Linear, Ethoxylated 157627-86-6	X	X	X		X			

TSCA - Danh Mục của Đạo Luật Kiểm Soát Chất Độc Hoa Kỳ Mục 8(b)

DSL/NDL - Danh Mục Hóa Chất Nội Địa/Danh Mục Hóa Chất Phi Nội Địa của Canada

EINECS/ELINCS - Danh Mục Hóa Chất Hiện Hành của Châu Âu/Danh Mục Hóa Chất Đã Được Thông Báo của Châu Âu

ENCS - Danh Mục Hóa Chất Hiện Hành và Hóa Chất Mới của Nhật Bản

IECSC - Danh Mục Hóa Chất Hiện Hành của Trung Quốc

KECL - Danh Mục Hóa Chất Hiện Hành và Hóa Chất Đã Đánh Giá của Hàn Quốc

PICCS - Danh Mục Hóa Chất và Các Chất Hóa Học của Philipin

AICS - Danh Mục Hóa Chất của Úc

Mục 16: THÔNG TIN KHÁC

Soạn Thảo Bởi

FMC Corporation

FMC Logo - Trademark of FMC Corporation

© 2018 FMC Corporation. All Rights Reserved.

Ngày sửa đổi:

2018-06-28

Chú thích về sửa đổi

Phóng Thích Lần Đầu.

Tuyên bố miễn trách

FMC Corporation tin rằng thông tin và tư vấn chứa các ứng dụng (bao gồm cả dữ liệu và báo cáo) là chính xác kể từ ngày này. Không BẢO ĐẢM PHÙ HỢP CHO MỌI MỤC ĐÍCH CỤ THỂ, BẢO ĐẢM ĐẢM BẢO HOẶC BẤT K OTHER BẢO ĐẢM KHÁC, NÓI BẬT HOẶC ĐƯỢC THỰC HIỆN, ĐƯỢC THỰC HIỆN LIÊN QUAN Hơn nữa, vì các điều kiện và phương pháp sử dụng nằm ngoài tầm kiểm soát của FMC, CUNG CẤP Ở đây. Thông tin này chỉ được đặt cho sản phẩm được chỉ định và có thể không áp dụng được khi sản phẩm đó được sử dụng kết hợp với bất kỳ vật liệu nào khác hoặc trong bất kỳ quy

trình nào. Tổng công ty, công ty FMC từ chối bất kỳ và tất cả trách nhiệm pháp lý đối với bất kỳ kết quả nào thu được hoặc phát sinh từ việc sử dụng bất kỳ sản phẩm nào hoặc dựa vào thông tin đó.

Kết thúc Bản Thông Tin An Toàn